

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KẾ SÁCH  
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 73/2024/DS-ST  
Ngày: 13 – 5 – 2024  
V/v Tranh chấp Hợp đồng góp hội

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Vinh Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Minh Hiếu;  
Bà Tăng Thị Bạch Vân.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Duy Hiến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Không tham gia.

Ngày 13 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 482/2023/TLST-DS, ngày 11 tháng 12 năm 2023, về tranh chấp Hợp đồng góp hội, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2024/QĐXXST-DS, ngày 08 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 105/2024/QĐST-DS, ngày 26 tháng 4 năm 2024, giữa:

**- Nguyên đơn:** Ông Huỳnh Long Đ, sinh năm 1980, địa chỉ: Số B, ấp K, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

**- Bị đơn:** Ông Đỗ Văn T và bà Phạm Thị Tuyết M, cùng địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\*Theo Đơn khởi kiện ngày 01/11/2023, Bản án số 141/2022/DS-ST, ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng và các tài liệu chứng cứ khác trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Huỳnh Long Đ trình bày:

Ông làm chủ hội, ông T và bà M là hội viên, ông T và bà M đã tham 04 dây hội mùa, sau khi hốt hội xong, không đóng hội chét cho ông đầy đủ, cụ thể như sau:

Dây 1: Hụi mùa (bốn tháng khai một lần) 5.000.000 đồng, mở ngày 15/11/2017 âm lịch, mãn ngày 15/11/2022 âm lịch, có 16 phần, ông T, bà M tham gia 01 phần (đề tên Chị T); ông T và bà M hốt đầu, ra lời 2.000.000 đồng, hốt được số tiền 45.000.000 đồng. Ông T và bà M đóng hụi chết được 11 lần = 30.000.000 đồng (từ vụ tháng 3/2018 đến vụ tháng 7/2021 âm lịch). Từ vụ tháng 11/2021 âm lịch đến vụ tháng 3/2022 âm lịch, ông T, bà M không đóng hụi chết cho tính ra là 5.000.000 đồng x 02 lần = 10.000.000 đồng, (ông đã khởi kiện xong, theo Bản án số 141, ngày 28/9/2022). Từ vụ tháng 7/2022 âm lịch đến vụ tháng 11/2022 âm lịch, ông T, bà M không đóng hụi chết cho ông tính ra là 5.000.000 đồng x 02 lần = 10.000.000 đồng. Ông phải bỏ số tiền này ra để đóng hụi chết thay cho ông T, bà M. Dây hụi này đã mãn.

Dây 2: Hụi mùa (bốn tháng khai một lần) 2.000.000 đồng, mở ngày 15/11/2017 âm lịch, mãn ngày 15/7/2022 âm lịch, có 15 phần, ông T, bà M tham gia 01 phần (đề tên Chị T); ông T và bà M đóng hụi sống được 02 lần. Đến lần khai thứ 3 (tháng 7/2018) thì hốt, ra lời 1.000.000 đồng, được số tiền 16.000.000 đồng. Ông T và bà M đóng hụi chết được 09 lần = 18.000.000 đồng (từ vụ tháng 11/2018 đến vụ tháng 7/2021 âm lịch). Từ vụ tháng 11/2021 âm lịch đến vụ tháng 3/2022 âm lịch, ông T, bà M không đóng hụi chết cho ông tính ra là 2.000.000 đồng x 02 lần = 4.000.000 đồng (ông đã khởi kiện xong theo Bản án số 141, ngày 28/9/2022). Còn lại vụ tháng 7/2022 âm lịch, ông T, bà M không đóng hụi chết cho ông là 2.000.000 đồng, ông phải bỏ số tiền này ra để đóng hụi chết thay cho ông T, bà M. Dây hụi này đã mãn.

Dây 3: Hụi mùa (bốn tháng khai một lần) 3.000.000 đồng, mở ngày 15/3/2019 âm lịch, mãn ngày 15/7/2023 âm lịch, có 14 phần, ông T, bà M tham gia 01 phần (đề tên Chị T); ông T và bà M hốt đầu, ra lời 1.200.000 đồng, hốt được số tiền 23.400.000 đồng. Ông T và bà M đóng hụi chết được 07 lần = 21.000.000 đồng (từ vụ tháng 7/2019 đến vụ tháng 7/2021 âm lịch). Từ vụ tháng 11/2021 âm lịch đến vụ tháng 3/2022 âm lịch, ông T, bà M không đóng hụi chết cho ông tính ra là 3.000.000 đồng x 02 lần = 6.000.000 đồng (ông đã khởi kiện xong, theo Bản án số 141, ngày 28/9/2022). Từ vụ tháng 7/2022 âm lịch đến vụ tháng 7/2023 âm lịch, ông T, bà M không đóng hụi chết cho ông tính ra là 3.000.000 đồng x 04 lần = 12.000.000 đồng. Ông phải bỏ số tiền này ra để đóng hụi chết thay cho ông T, bà M. Dây hụi này đã mãn.

Dây 4: Hụi mùa (bốn tháng khai một lần) 3.000.000 đồng, mở ngày 15/3/2019 âm lịch, mãn ngày 15/7/2023 âm lịch, có 14 phần, ông T, bà M tham gia 01 phần (đề tên Chị T); ông T và bà M đóng hụi sống được 01 lần. Đến lần khai thứ 2 (tháng 7/2019) thì hốt, ra lời 1.500.000 đồng, hốt được số tiền 21.000.000 đồng. Ông T và bà M đóng hụi chết được 06 lần = 18.000.000 đồng

(từ vụ tháng 11/2019 đến vụ tháng 7/2021 âm lịch). Từ vụ tháng 11/2021 âm lịch đến vụ tháng 3/2022 âm lịch, ông T, bà M không đóng hụi chết cho ông tính ra là 3.000.000 đồng x 02 lần = 6.000.000 đồng (ông đã khởi kiện xong, theo Bản án số 141, ngày 28/9/2022). Từ vụ tháng 7/2022 âm lịch đến vụ tháng 7/2023 âm lịch, ông T, bà M không đóng hụi chết cho ông tính ra là 3.000.000 đồng x 04 lần = 12.000.000 đồng. Ông phải bỏ số tiền này ra để đóng hụi chết thay cho ông T, bà M. Dây hụi này đã mất.

Tổng cộng 04 dây hụi nêu trên, ông T, bà M còn nợ ông 36.000.000 đồng (Dây 1: 10.000.000 đồng + Dây 2: 2.000.000 đồng + Dây 3: 12.000.000 đồng + Dây 4: 12.000.000 đồng).

Nay ông Đ yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Đỗ Văn T và bà Phạm Thị Tuyết M trả tổng số tiền nợ hụi của 04 dây nêu trên là 36.000.000 đồng.

*\*Bị đơn ông Đỗ Văn T và bà Phạm Thị Tuyết M đều vắng mặt, không tham gia tố tụng, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Long Đ.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

#### **- Về tố tụng**

[1] Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt không rõ lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Cho nên, Hội đồng xét xử căn cứ vào vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét thấy: Giữa nguyên đơn và bị đơn có thoả thuận và giao kết hợp đồng góp hụi với nhau, theo bốn dây hụi mùa mà nguyên đơn đã trình bày, trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, các bên tham gia giao dịch đều là người có đủ năng lực hành vi dân sự, nên đây là giao dịch dân sự hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Căn cứ vào các danh sách hụi viên và Bản án số 141/2022/DS-ST, ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (đã có hiệu lực pháp luật) mà nguyên đơn cung cấp, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo cho bị đơn biết về việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả số tiền hụi 36.000.000 đồng. Tuy nhiên, bị đơn không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi bất kì văn bản nào trình bày ý kiến của mình, cũng như không phản đối những

tình tiết, sự kiện mà nguyên đơn đưa ra. Cho nên, đây là những tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh theo Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Tại khoản 1 Điều 351 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định trách nhiệm dân sự do vi phạm nghĩa vụ: *“Bên có nghĩa vụ mà vi phạm nghĩa vụ thì phải chịu trách nhiệm dân sự đối với bên có quyền. Vi phạm nghĩa vụ là việc bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ”*. Tại khoản 1 Điều 471 của Bộ luật này quy định: *“Họ, hội, biểu, phường (sau đây gọi chung là họ) là hình thức giao dịch về tài sản theo tập quán trên cơ sở thỏa thuận của một nhóm người tập hợp nhau lại cùng định ra số người, thời gian, số tiền hoặc tài sản khác, thể thức góp, lĩnh họ và quyền, nghĩa vụ của các thành viên”*.

[5] Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 166, 351, 357 và 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 91, 92 và 93 của Bộ luật dân sự năm 2015; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ hội 36.000.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, nên ông Đ không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Bà M, ông T phải chịu án phí có giá ngạch là 36.000.000 đồng x 5% = 1.800.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ:** Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, các điều 91, 92, và 93, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 166, 351, 357 và 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Long Đ, buộc bà Phạm Thị Tuyết M và ông Đỗ Văn T phải có nghĩa vụ trả cho ông Đ tổng số tiền nợ hội là 36.000.000 đồng.

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi cho

người được thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà M và ông T phải chịu 1.800.000 đồng, ông Đ không phải chịu và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 900.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001040, ngày 11/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

4. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn này tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Chi cục THADSH Kế Sách (khi đã có hiệu lực);
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Vinh Thắng**